

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 173/2025/HS-PT

Ngày: 03/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trung.

Các thẩm phán: Ông Trần Phương Đông.

Bà Lê Kim Đó.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Tổng Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 3 năm 2025 và ngày 03 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 487/2024/TLPT-HS ngày 28 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 48/2025/QĐXXPT-HS ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2025/HSPT-QĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025.

Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị Hồng L, Lê Văn H, Trịnh Thanh Đ, Nguyễn Mạnh T, Phạm Thị N, Nguyễn Thị Thanh T1, Đậu Thị Hoài N1, Nguyễn Đăng K, Nguyễn Thị T7 đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 471/2024/HS-ST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo kháng cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn Q** (tên gọi khác: T2), sinh năm 1971 tại thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: Số B, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn M (chết) và bà Huỳnh Thị T3 (chết). Gia đình bị cáo có 4 anh chị em, bị cáo là con thứ 4. Bị cáo có vợ tên là Hoàng Thị Thùy T4, sinh năm 1990 và có 01 người con sinh năm 2012.

Tiền án: Ngày 16/10/1998, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về tội “Giả mạo giấy chứng nhận, tài liệu của cơ quan nhà nước, của tổ chức xã hội” (bản án số 386/HSST). Chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 26/10/2023 đến ngày 04/11/2023. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị Hồng L** (tên gọi khác: không), sinh năm 1951 tại thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: Số B, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Văn N2 (chết) và bà Lê Thị K1 (chết). Gia đình bị cáo có 6 anh chị em, bị cáo là con thứ 4. Bị cáo có chồng tên là Phạm Văn H1, sinh năm 1946 (chết) và có 04 người con con lớn nhất sinh năm 1973, con nhỏ nhất sinh năm 1982.

Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Đảng viên, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 227-QĐ/UBKTTU ngày 06/6/2023 của Ủy ban kiểm tra Thành ủy B2.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Họ tên: **Lê Văn H** (tên gọi khác: không), sinh năm 1983 tại Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Ấp G, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Lê Nguyên C và bà Vũ Thị C1. Gia đình bị cáo có 4 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất. Bị cáo có vợ tên là Lê Thị O, sinh năm 1984, có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án: Ngày 24/8/2016, Tòa án nhân dân TP Biên Hòa xử phạt 20.000.000đ về tội “Đánh bạc” (bản án số 496/2016/HSST). Chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/10/2023 đến ngày 23/11/2023. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Họ tên: **Trịnh Thanh Đ** (tên gọi khác: không), sinh năm 1972 tại Thanh Hoá.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: A N, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông Trịnh Huỳnh Đ1 và bà Nguyễn Thị H2. Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất. Bị cáo có vợ tên là Trần Thị H3, sinh năm 1979, bị cáo có 02 người con sinh năm 2005 và năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 26/10/2023 đến ngày 04/11/2023. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Họ tên: **Nguyễn Mạnh T** (tên gọi khác: không), sinh năm 1960 tại Bắc Ninh.

Nơi cư trú: B1A, tổ B, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Bảo vệ; con ông Nguyễn Đức N3 (chết) và bà Nguyễn Thị M1 (chết). Gia đình bị cáo có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ 2. Bị cáo có vợ tên là Đỗ Thị Bích M2, sinh năm 1961, bị cáo có 02 người con sinh năm 1985 và năm 1993.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. Họ tên: **Phạm Thị N** (tên gọi khác: không), sinh năm 1978, tại Nam Định.

Nơi cư trú: Số B, khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Phạm Văn B và bà Đặng Thị H4. Gia đình

bị cáo có 4 anh chị em, bị cáo là con thứ 2. Bị cáo có chồng tên là Phạm Văn H5, sinh năm 1976, có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1998 và nhỏ nhất sinh năm 2007.

Nhân thân: Ngày 28/9/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 tháng tù về tội “Truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy” (bản án sơ thẩm số 86/2007/HSST của Tòa án nhân dân TP Biên Hòa; bản án phúc thẩm số 161/2007/HSPT ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai).

Tiền án: Ngày 28/9/2023, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 35.000.000đ về tội “Đánh bạc” (bản án số 528/2023/HS-ST). Chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, chuyển tạm giam từ ngày 26/10/2023 đến ngày 23/11/2023. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

7. Họ tên: **Nguyễn Thị Thanh T1** (tên gọi khác: không), sinh năm 1973, tại Thừa Thiên Huế.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ E, khu V, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chỗ ở hiện nay: Số I, đường N, khu phố C, phường C, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh

Giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Nguyễn Viết T5 (chết) và bà Nguyễn Thị Minh C2. Gia đình bị cáo có 4 anh chị em, bị cáo là con thứ 3. Bị cáo có chồng tên là Nguyễn Tiến H6, sinh năm 1980 (đã ly hôn), có hai con, sinh năm 2017 và sinh năm 2001.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 26/10/2023 đến ngày 04/11/2023. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

8. Họ tên: **Đậu Thị Hoài N1** (tên gọi khác: không), sinh năm 1972, tại Hà Tĩnh.

Nơi đăng ký thường trú: Số A, tổ A, khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện tại: Chung cư T, phòng 07.10, khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông Đậu Quang L1 (chết) và bà Nguyễn Thị L2 (chết). Gia đình bị cáo có 5 anh chị em, bị cáo là con thứ 4. Bị cáo có chồng tên là Nguyễn Ngọc B1, sinh năm 1970 (đã ly hôn). Có 02 người con sinh năm 1992 và năm 1997.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

9. Họ tên: **Nguyễn Đăng K** (tên gọi khác: không), sinh năm 1984 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Số A, khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Nguyễn Đăng S (chết) và bà Trần Thị Phương L3. Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Bị cáo có vợ tên là Phạm Thị Mỹ N4, sinh năm 1999, có 02 người con sinh năm 2018 và năm 2020.

Nhân thân: Ngày 15/8/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo (bản án số 66/2013/HSST). Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 26/10/2023 đến ngày 04/11/2023. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

10. Họ tên: **Nguyễn Thị T7** (tên gọi khác: không), sinh năm 1970 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Số C, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nội trợ; con ông Nguyễn Văn S1 (chết) và bà Nguyễn Thị S2 (chết). Gia đình bị cáo có 7 anh chị em, bị cáo là con thứ 5. Bị cáo có chồng tên là Phạm Minh T6, sinh năm 1968. Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2003.

Tiền án: Ngày 10/7/2023, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 25.000.000đ về tội “Đánh bạc” (bản án số 337/2023/HSST). Chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, chuyển tạm giam từ ngày 27/10/2023 đến ngày 23/11/2023. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị Hồng L, Lê Văn H, Trịnh Thanh Đ, Phạm Thị N, Nguyễn Mạnh T, Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị T7, Nguyễn Đăng K, Đậu Thị Hoài N1 có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng thời gian từ ngày 25, 26/10/2023 tại số B, Khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai do Nguyễn Văn Q là chủ nhà, Q sử dụng địa điểm nêu trên rủ rê lôi kéo người khác đến tham gia đánh bạc và đã tổ chức, cung cấp dụng cụ cho Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Mạnh T, Lê Văn H, Trịnh Thanh Đ, Đậu Thị Hoài N1, Nguyễn Đăng K, Nguyễn Thị Thanh T7, Phạm Thị N và Nguyễn Thị T7 và một số đối tượng khác (không rõ nhân thân, lai lịch) đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền với hình thức bài Liêng và P để thu tiền xâu.

Chiếu bài Liêng gồm: Nguyễn Thị Hồng L; Trịnh Thanh Đ; Lê Văn H, Nguyễn Mạnh T. Cách thức đánh bạc hình thức bài liêng như sau: Dụng cụ chơi là 01 bộ bài Tây 52 lá. Không có người làm cái. Một người đứng ra chia bài cho những người chơi (tự) 03 lá bài sau đó tính điểm thắng thua. Người có 03 lá bài cùng loại (VD: 03 lá 2) gọi là “Xám”, là hình thức thắng cao nhất. Trong “Xám” được tính cao nhất là 03 lá A (Át hay Ách), tiếp theo là 03 lá K, 03 lá Q, 03 lá J, 03 lá 10 cho đến 03 lá 2. Người có 03 lá bài có số liên nhau (VD: 2,3,4) gọi là “Liêng” (S), là hình thức thắng cao thứ 2. Trong “Liêng cao nhất là là Q+K+A, theo thứ tự nhỏ dần đến 2+3+4. Người có 03 lá bài J, Q, K không thống nhất gọi là “Đĩ” (3 Tây).

Cách tính điểm: Người chơi cộng điểm trên 3 lá bài lại rồi lấy điểm lẻ để tính thắng thua (VD: tổng số điểm của 3 lá bài là 18 thì được 8 điểm). Điểm ít nhất là 01, nhiều nhất là 09. Người có số điểm chẵn ở hàng chục gồm 10, 20, 30 (trừ trường hợp 03 lá giống nhau) thì không có điểm và thua chót. Điểm của mỗi lá bài được tính như

sau: lá “A” (còn gọi là “át” hoặc “ách”) được tính là 01 điểm, lá 2 đến lá 9 được tính tương ứng từ 02 đến 09 điểm, các lá 10, J, Q, K được tính là 10 điểm. Theo thứ tự “Xám” thắng nhất, “Liêng” thắng thứ 2, “Đĩ” thắng thứ 3”, cuối là tính điểm. Mỗi ván, người chơi đặt tiền cược (tiền đường) 100.000 (một trăm nghìn đồng). Mỗi tụ căn cứ vào số điểm của mình có thể “tổ” (đặt) thêm từ 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) đến 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng), các tụ còn lại có thể theo hoặc không (úp bài). Số tiền tổ được tính thắng thua riêng đối với người tổ.

Với cách thức đánh bạc như trên, số tiền từng người sử dụng đánh bạc như sau: Nguyễn Thị Hồng L mang theo và sử dụng 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc; khi bị bắt, L thua 1.000.000đ (một triệu đồng), còn lại trên người số tiền 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng) bị công an thu giữ. Trịnh Thanh Đ mang theo 3.000.000đ (ba triệu đồng) để sử dụng đánh bạc; lúc bị bắt thì Đ thua số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng), còn 1.000.000đ (một triệu đồng) bị Công an thu giữ. Lê Văn H mang theo 7.000.000đ và chỉ sử dụng số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) để tham gia đánh bạc; khi bị bắt, H không thua, không thắng, còn 4.000.000đ (bốn triệu đồng) H để trong túi quần; 3.000.000đ (ba triệu đồng) để dưới chiếu bạc khi công an vào bắt quả tang thì cất dấu vào người. Nguyễn Mạnh T mang theo 10.000.000đ (mười triệu đồng) và chỉ sử dụng 2.000.000đ (hai triệu đồng) để đánh bạc. Khi bị bắt, T thua 1.000.000đ (một triệu đồng), còn lại trên người số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng) bị công an thu giữ, trong đó có 1.000.000đ (một triệu đồng) sử dụng đánh bạc và 8.000.000đ (tám triệu đồng) không liên quan đến việc đánh bạc.

Chiếu Bài Phỏm gồm: Phạm Thị N, Nguyễn Thị Thanh T1; Đậu Thị Hoài N1, Nguyễn Đăng K; Nguyễn Thị T7.

Cách thức đánh bạc hình thức bài phỏm như sau: Dụng cụ chơi là 01 bộ bài Tây 52 lá. Có 04 người chơi. Người chia bài cũng là người đi đầu, được chia 10 lá bài, 03 người còn lại được chia 9 lá bài, số bài dư gọi là bài tỳ. Người đi đầu đánh đi 1 lá bài trên tay của mình. Người kế tiếp có thể “ăn” lá bài đó nếu nó có thể hợp với bài trên tay thành một “phỏm” hoặc nếu không thể “ăn” hay không muốn “ăn” lá bài người tay trên đánh xuống, người đó phải bốc (kéo) thêm 01 lá bài từ bài tỳ, sau đó đánh đi 01 lá bài trên tay của mình. Người thứ ba lại có thể ăn hoặc nếu không ăn thì bốc 01 lá bài tỳ rồi đánh đi 01 lá bài của mình cho người thứ tư, và cứ như vậy cho đến khi ván bài kết thúc. Ván bài kết thúc khi có một người “Ừ” (số lá bài trên tay người chơi có thể sắp xếp thành phỏm và không thừa lá bài nào”. Nếu không có người “Ừ”, ván bài sẽ kết thúc sau khi hết bài tỳ. Lúc này, người chơi cần trình tất cả những “phỏm” mình có cho mọi người biết rồi tính điểm trên những lá bài còn lại bằng cách cộng điểm của tất cả các quân bài rác trên tay với quân J=11, Q=12, K=13 và A=1, các quân bài còn lại có số điểm tương ứng với số của quân bài. Người chiến thắng là người có số điểm thấp nhất, 03 người còn lại đều là người thua. Người có số điểm thấp thứ 2 gọi là thua nhì, mức thua 100.000đ (một trăm nghìn đồng); người có điểm thấp thứ 3 gọi là thua 3, mức thua 200.000đ (hai trăm nghìn đồng); người có điểm nhiều nhất gọi là thua “chót”, mức thua 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Người không có “phỏm” gọi là “cháy”, mức thua 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng). Thua “Ừ”, mỗi người thua bạc 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Nếu người chơi để bị ăn 03 lá bài tạo thành thắng “Ừ” bị thua “đền”, mức thua là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Để xác định “phỏm” thì

người chơi phải có từ 03 lá bài cùng loại trở lên (VD: 3 hoặc 4 lá bài 2) hoặc 03 lá bài trở lên theo thứ tự liền nhau cùng một chất (VD: có các lá 2,3,4,5 chất rô).

Với cách thức đánh bạc như trên, số tiền từng người sử dụng đánh bạc như sau: Đâu Thị Hoài N1 mang theo và sử dụng 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Khi bị bắt, Công an thu giữ số tiền 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Nguyễn Đăng K mang theo 4.000.000đ (bốn triệu đồng) và sử dụng hết số tiền này để đánh bạc. Khi bị bắt, K thua nhưng không nhớ thua bao nhiêu, khi bị bắt K sợ nên gom hết số tiền của mọi người để chung vào túi quần, qua kiểm đếm là 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Nguyễn Thị Thanh T1 mang theo tổng cộng 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và chỉ sử dụng 3.000.000đ (ba triệu đồng) để sử dụng đánh bạc; lúc bị bắt đang bị thua, nhưng không biết thua bao nhiêu; còn 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) để trong túi xách không liên quan đến hành vi đánh bạc. Phạm Thị N mang theo 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) và sử dụng số tiền này để tham gia đánh bạc; khi bị bắt, N thua 100.000đ (một trăm nghìn đồng), còn 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) để dưới chiếu bạc khi công an vào bắt quả tang thì K gom hết cát dầu vào người K. Nguyễn Thị T7: Ngày 25/10/2023 mang theo số tiền 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc; ngày 26/10/2023 T7 không chơi, T7 bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, thu giữ trong người của T7 số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Vật chứng vụ án gồm:

Vật chứng thu được từ chiếu bài liêng:

- 01 bộ bài tây 52 lá là công cụ những người tham gia đánh bạc sử dụng để đánh bạc.

- Thu giữ số tiền sử dụng vào việc đánh bạc tổng cộng là: 8.500.000đ (tám triệu năm trăm nghìn đồng) trong đó, thu giữ: 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng) của Nguyễn Thị Hồng L; 3.000.000đ (ba triệu đồng) của Lê Văn H; 1.000.000đ (một triệu đồng) của Trịnh Thanh Đ; 1.000.000đ (một triệu đồng) của Nguyễn Mạnh T.

- Thu giữ số tiền không liên quan đến đánh bạc: 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) trong đó của Lê Văn H 4.000.000đ (bốn triệu đồng); của Nguyễn Mạnh T 8.000.000đ (tám triệu đồng).

Vật chứng thu được từ chiếu bài phỏm:

- 01 bộ bài tây 52 lá là công cụ những người tham gia đánh bạc sử dụng để đánh bạc.

- Thu giữ số tiền đang sử dụng vào việc đánh bạc tổng cộng là 8.000.000đ (tám triệu đồng): Thu giữ trên chiếu bạc là 3.500.000đ (số tiền này K gom hết cát dầu trong) và thu giữ trên người Đâu Thị Hoài N1 là 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

- Thu giữ số tiền đánh bạc của Nguyễn Thị T7 còn lại sau khi đánh bạc ngày 25/10/2023: 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Thu giữ tiền xâu của Nguyễn Văn Q 650.000đ (sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Thu giữ số tiền không liên quan đến hành vi đánh bạc: 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) của Nguyễn Thị Thanh T1.

Đối với các đối tượng (không rõ lai lịch) có hành vi đánh bạc ngày 25, 26/10/2023, Công an thành phố B tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

*** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 471/2024/HS-ST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã Quyết định:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bị áp giải thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/10/2023 đến ngày 04/11/2023.

Căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T7, bị cáo Lê Văn H, bị cáo Phạm Thị N phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T7 14 (mười bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bị áp giải thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/10/2023 đến ngày 23/11/2023.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bị áp giải thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/10/2023 đến ngày 23/11/2023.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị N 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bị áp giải thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/10/2023 đến ngày 23/11/2023.

Căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đăng K phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng K 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bị áp giải thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/10/2023 đến ngày 04/11/2023.

Căn cứ điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Riêng bị cáo Nguyễn Thị Hồng L áp dụng thêm điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Đậu Thị Hoài N1, Nguyễn Thị Thanh T1, Trịnh Thanh Đ, Nguyễn Mạnh T, Nguyễn Thị Hồng L phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Đậu Thị Hoài N1 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bị áp giải thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/10/2023 đến ngày 04/11/2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T1 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bị áp giải thi hành án, nhưng được

trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/10/2023 đến ngày 04/11/2023.

Xử phạt bị cáo Trịnh Thanh Đ 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bị áp giải thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/10/2023 đến ngày 04/11/2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bị áp giải thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng L 18 (mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 06/9/2024.

- Ngoài ra bản án còn tuyên về chế định án treo, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 06/9/2024, bị cáo Nguyễn Văn Q, Trịnh Thanh Đ, Nguyễn Mạnh T, Nguyễn Thị Thanh T1, Lê Văn H, Nguyễn Thị T7, Phạm Thị N, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Đăng K, Đậu Thị Hoài N1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo, xin áp dụng hình phạt tiền.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:**

Các bị cáo kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Khoảng 11 giờ 30 ngày 25/10/2023 đến 17 giờ 30 ngày 26/10/2023, Nguyễn Văn Q là chủ nhà đã tổ chức cho Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Mạnh T, Lê Văn H, Trịnh Thanh Đ, Đậu Thị Hoài N1, Nguyễn Đăng K, Nguyễn Thị Thanh T1, Phạm Thị N và Nguyễn Thị T7 và một số đối tượng khác (không rõ nhân thân, lai lịch) thực hiện hành vi đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền với hình thức phỏm và liêng với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là **29.000.000đ** (hai mươi chín triệu đồng). Trong đó, số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc tại chiếu bài liêng là 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) và chiếu phỏm là 16.500.000 đồng (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người đã trưởng thành, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Ngoài ra, bị cáo K có nhân thân xấu; bị cáo Q, bị cáo H, bị cáo N, bị cáo T7 là những người đã có tiền án chưa được xóa án tích nay lại phạm tội mới với lỗi cố ý trực tiếp, thể hiện thái độ xem thường pháp luật, nên cần áp dụng hình phạt nghiêm nhằm răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung.

Khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã xem xét các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị T7, Lê Văn H, Nguyễn Đăng K, Phạm Thị N: Thành khẩn khai báo ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Đậu Thị Hoài N1, Nguyễn Thị Thanh T1, Trịnh Thanh Đ, Nguyễn Mạnh T: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; chưa có tiền án tiền sự quy định tại điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Mạnh T có cha mẹ là ông Nguyễn Đức N3, bà Nguyễn Thị M1 là người có công với cách mạng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị

Hồng L4: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên; chưa có tiền án, tiền sự; được tặng nhiều bằng khen đạt thành tích trong công cuộc xây dựng ngành thương mại nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo: Nguyễn Văn Q 18 tháng tù, Nguyễn Thị T7 14 tháng tù, Lê Văn H 12 tháng tù, Phạm Thị N 10 tháng tù, Nguyễn Đăng K 12 tháng tù, Đậu Thị Hoài N1 12 tháng tù, Nguyễn Thị Thanh T1 10 tháng tù, Trịnh Thanh Đ 10 tháng tù, Nguyễn Mạnh T 08 tháng tù; Nguyễn Thị Hồng L 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng là phù hợp, không nặng như kháng cáo đã nêu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, riêng bị cáo L xin phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo K có nhân thân xấu; bị cáo Q, bị cáo H, bị cáo N, bị cáo T7 là những người đã có tiền án chưa được xóa án tích nên không đủ điều kiện xem xét; các bị cáo L, Đ, N1, K, T1 không cung cấp thêm tình tiết gì mới, riêng bị cáo T tuy có cung cấp tình tiết mới nhưng xét mức án sơ thẩm xử bị cáo thấp nhất so với các bị cáo còn lại nên không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích trên, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Q, Lê Văn H, Trịnh Thanh Đ, Nguyễn Mạnh T, Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị T7, Phạm Thị N, Nguyễn Đăng K, Đậu Thị Hoài N1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo; Nguyễn Thị Hồng L xin phạt tiền; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 471/2024/HS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trịnh Thanh Đ, Nguyễn Mạnh T, Nguyễn Thị Thanh T1, Lê Văn H, Nguyễn Thị T7, Phạm Thị N, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Đăng K, Đậu Thị Hoài N1 kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân TP Biên Hòa trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: Vào khoảng 11 giờ 30 ngày 25/10/2023 đến 17 giờ 30 ngày 26/10/2023, tại nhà số tại số B, KP1, phường T, TP ., tỉnh Đồng Nai do Nguyễn Văn Q là chủ nhà, Q đã tổ chức cho Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Mạnh T, Lê Văn H, Trịnh Thanh Đ, Đậu Thị Hoài N1, Nguyễn Đăng K, Nguyễn Thị Thanh T1, Phạm Thị N và Nguyễn Thị T7 và một số đối tượng khác (không rõ nhân thân, lai lịch) thực hiện hành vi đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền với hình thức phỏm và liêng với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là **29.000.000đ** (hai mươi chín triệu đồng). Trong đó, số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc tại chiều bài liêng là 12.500.000đ

(mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) và chiều bài phỏm là 16.500.000đ (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Nguyễn Văn Q là người tổ chức sòng bạc và trực tiếp thu tiền xâu 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng), đã dùng 550.000đ (năm trăm năm mươi nghìn) để mua thức ăn và còn 650.000đ (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) bị Công an thu giữ.

Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Mạnh T, Lê Văn H, Trịnh Thanh Đ, Đậu Thị Hoài N1, Nguyễn Đăng K, Nguyễn Thị Thanh T1, Phạm Thị N và Nguyễn Thị T7 là người thực hiện hành vi đánh bạc với số tiền dùng đánh bạc của các bị cáo cụ thể như sau: Nguyễn Thị Hồng L sử dụng 4.500.000đ; Trịnh Thanh Đ sử dụng 3.000.000đ; Lê Văn H sử dụng 3.000.000đ; Nguyễn Mạnh T sử dụng 2.000.000đ; Đậu Thị Hoài N1 sử dụng 4.500.000đ; Nguyễn Đăng K sử dụng 4.000.000đ; Nguyễn Thị Thanh T1 sử dụng 3.000.000đ; Phạm Thị N sử dụng 500.000đ; Nguyễn Thị T7 sử dụng 4.500.000đ để đánh bạc thì bị Công an T phát hiện bắt quả tang.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn Q về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; xét xử các bị cáo Trịnh Thanh Đ, Nguyễn Mạnh T, Nguyễn Thị Thanh T1, Lê Văn H, Nguyễn Thị T7, Phạm Thị N, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Đăng K, Đậu Thị Hoài N1 về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không bàn bạc, cấu kết chặt chẽ để thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Q người sử dụng địa điểm (nhà của mình) để rủ rê, lôi kéo, tổ chức, cung cấp dụng cụ và là người trực tiếp thu tiền xâu. Các bị cáo còn lại cùng thực hiện hành vi phạm tội, đánh bạc thắng thua bằng tiền với nhau. Khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã phân tích, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; phân hóa vị trí, vai trò của từng bị cáo để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 18 tháng tù; Nguyễn Thị T7 14 tháng tù; Lê Văn H 12 tháng tù; Phạm Thị N 10 tháng tù; Nguyễn Đăng K 12 tháng tù; Đậu Thị Hoài N1 12 tháng tù; Nguyễn Thị Thanh T1 10 tháng tù; Trịnh Thanh Đ 10 tháng tù; Nguyễn Mạnh T 08 tháng tù và Nguyễn Thị Hồng L 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo là phù hợp.

Các bị cáo kháng cáo và cung cấp thêm được tình tiết mới như: bị cáo Nguyễn Thị Thanh T1 cung cấp giấy xác nhận hoàn cảnh khó khăn có chính quyền địa phương xác nhận nhưng không phải nơi bị cáo hiện đang cư trú; bị cáo Nguyễn Văn Q cung cấp giấy khen thể hiện đã có thành tích trong công tác từ thiện xã hội; bị cáo Nguyễn Đăng K cung cấp đơn xin xác nhận thể hiện bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo Phạm Thị N cung cấp 02 bản photo thể hiện ông Phạm Văn B (cha của bị cáo N) là thương binh; bị cáo Nguyễn Mạnh T cung cấp bản photo thể hiện ông Nguyễn Đức N3 là cha của bị cáo T có công với cách mạng và các đơn thuốc thể hiện bị cáo T đang điều trị bệnh; bị cáo Đậu Thị Hoài N1 cung cấp giấy ra viện thể hiện bị cáo mới điều trị bệnh.

Qua xem xét toàn bộ nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo mức án phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Do đó, mặc dù các bị cáo cung cấp thêm được tình tiết mới nhưng mức án cấp sơ thẩm tuyên đã phù hợp nên không có cơ sở xem xét chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo hoặc chuyển sang hình phạt tiền cho các bị cáo.

[4] Về án phí HSPT: Do không chấp nhận kháng cáo nên mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trịnh Thanh Đ, Nguyễn Mạnh T, Nguyễn Thị Thanh T1, Lê Văn H, Nguyễn Thị T7, Phạm Thị N, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Đăng K, Đậu Thị Hoài N1 về việc xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo, xin chuyển sang hình phạt tiền.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 471/2024/HS-ST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2/ - Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bị áp giải thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/10/2023 đến ngày 04/11/2023.

- Căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T7, bị cáo Lê Văn H, bị cáo Phạm Thị N phạm tội “Đánh bạc.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T7 14 (mười bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bị áp giải thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2023 đến ngày 23/11/2023.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bị áp giải thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/10/2023 đến ngày 23/11/2023.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị N 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bị áp giải thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/10/2023 đến ngày 23/11/2023.

- Căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đăng K phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng K 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bị áp giải thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/10/2023 đến ngày 04/11/2023.

- Căn cứ điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Riêng bị cáo Nguyễn Thị Hồng L áp dụng thêm điểm o khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Tuyên bố bị cáo Đậu Thị Hoài N1, Nguyễn Thị Thanh T1, Trịnh Thanh Đ, Nguyễn Mạnh T, Nguyễn Thị Hồng L phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Đậu Thị Hoài N1 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bị áp giải thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T1 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bị áp giải thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/10/2023 đến ngày 04/11/2023.

Xử phạt bị cáo Trịnh Thanh Đ 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bị áp giải thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/10/2023 đến ngày 04/11/2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bị áp giải thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng L 18 (mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 06/9/2024.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Hồng L cho Ủy ban nhân dân phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3/ Án phí hình sự phúc thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án ND TP Biên Hòa;
- Viện kiểm sát TP Biên Hòa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CQCSĐT CA tỉnh Đồng Nai;
- Phòng hồ sơ – CA tỉnh Đồng Nai;
- CQTHAHS CA tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP Biên Hòa;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Đình Trung